

特性	単位	試験条件	P95
初透磁率 (μ_i)	-	10kHz 0.1mT	25°C 3300±25%
振幅透磁率 (μ_a) *	-	25kHz 200mT	25°C 4600
			100°C 5000
飽和磁束密度 (B_s) *	mT	H=1194A/m	25°C 530
			100°C 410
残留磁束密度 (B_r) *	mT		25°C 85
			100°C 60
保磁力 (H_c) *	A/m	25°C 9.5	
		100°C 6.5	
パワールロス (P_{cv}) *	kW/m ³	100kHz 200mT	25°C 350
			60°C 280
			80°C 270
			100°C 290
			120°C 350
			140°C 400
キュリー温度 (T_c)	°C		≥ 230
抵抗率 (ρ) *	$\Omega \cdot m$		4
密度 (D) *	g/cm ³		4.8

*:代表値

